

Số: 29/2026/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165, 212 và Điều 213 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 164, 169 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 231/2025/TLST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Tổ E, phường L, tỉnh Thái Nguyên.

*. Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lý Thanh T1 - Sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm L, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2025).

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T2, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Tổ G, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953 (Là mẹ đẻ ông T2).

Địa chỉ: Tổ G, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

2.1. Ông Nguyễn Hồng T2 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một phần nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích 9,3 m² tại thửa đất số 390, tờ bản đồ

26, phường P, tỉnh Thái Nguyên để trả lại mặt bằng diện tích đất cho ông Trần Đình T quản lý sử dụng (Địa chỉ thửa đất tại tổ G, phường P, tỉnh Thái Nguyên, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 413370 ngày 08/8/2019 cho ông Trần Đình T). Cụ thể phần diện tích nhà cấp 4 ông T2 phải có trách nhiệm phá dỡ, di dời theo sơ đồ là các điểm A, B, C, D, E, F, A.

- *Thời hạn ông T2 thực hiện tháo dỡ, di dời:* Ông T2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần nhà cấp 4 trên diện tích nêu trên thời hạn cuối cùng là ngày 15/5/2026.

(Vị trí, sơ đồ phần diện tích nhà ông T2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời cụ thể kèm theo Quyết định này)

2.2 Ghi nhận việc ông Trần Đình T tự nguyện hỗ trợ ông Nguyễn Hồng T2 số tiền để phá dỡ, di dời phần diện tích nhà cấp 4 nêu trên với số tiền là **66.000.000** đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

2.3. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận ông T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Ông T đã thực hiện xong).

2.4. Về án phí: Ông Trần Đình T tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002152 ngày 11 tháng 11 năm 2025. Ông T được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toàn

